



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 33
8. Phụ lục	34

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 4553/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chuyển Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Điện thoại : (0292) 3.841.289
- Fax : (0292) 3.841.116

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, ấp Phú Long, xã Lục Sĩ Thành, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ - Chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 04, cồn nổi số 2, ấp Phụng Tường 2, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Bà Võ Thị Thúy Nga	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Văn Phăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Tam Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Đan Duy Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Hoàng Tuấn Kiệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Thành Được	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Võ Đông Đức	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Nguyễn Chí Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Lê Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Nguyễn Trí Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Lâm Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Đông Đức - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

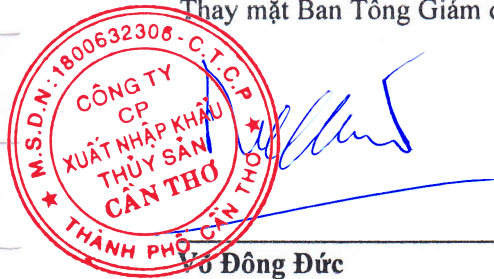
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính giữa niên độ kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Số: 4.0228/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Cần Thơ**

Nguyễn Quốc Ngữ

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		758.113.896.004	721.803.437.478
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		36.862.736.750	23.610.628.185
1. Tiền	111	V.1	36.862.736.750	23.610.628.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		118.500.000.000	98.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	118.500.000.000	98.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		439.798.556.362	360.077.930.429
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	391.289.407.005	317.777.815.940
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	42.023.031.346	39.241.837.042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.486.118.011	3.058.277.447
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		142.639.273.694	217.973.697.623
1. Hàng tồn kho	141	V.6	142.639.273.694	217.973.697.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.313.329.198	21.641.181.241
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.324.852.462	4.468.735.565
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.988.476.736	17.172.445.676
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.756.564.263	83.977.035.491
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		54.065.154.519	61.733.096.208
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	38.250.501.925	45.452.418.688
- Nguyên giá	222		227.595.969.683	245.086.186.278
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(189.345.467.758)	(199.633.767.590)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.814.652.594	16.280.677.520
- Nguyên giá	228		24.989.372.255	24.989.372.255
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.174.719.661)	(8.708.694.735)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	20.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.691.409.744	2.243.939.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.691.409.744	2.243.939.283
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		813.870.460.267	805.780.472.969

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		555.359.311.937	550.109.393.763
I. Nợ ngắn hạn	310		555.359.311.937	550.109.393.763
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	70.659.947.147	46.392.679.615
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	46.857.913.015	53.088.237.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.875.997.662	2.272.054.281
4. Phải trả người lao động	314	V.13	28.870.721.241	16.292.512.804
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	15.775.361.193	4.320.401.908
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	61.525.558.069	29.285.194.056
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	325.744.000.000	397.408.500.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1.049.813.610	1.049.813.610
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ



Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		258.511.148.330	255.671.079.206
I. Vốn chủ sở hữu	410		258.511.148.330	255.671.079.206
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18a	150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18a	65.348.226.982	65.348.226.982
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18a	2.508.094.861	2.508.094.861
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18a	11.833.554.499	11.833.554.499
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18a	27.898.011.988	25.057.942.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		608.376.364	25.057.942.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.289.635.624	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		813.870.460.267	805.780.472.969


Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập
Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng
Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	826.562.898.152	617.514.302.482
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.638.225.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		826.562.898.152	615.876.077.482
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	701.246.185.046	551.204.977.211
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		125.316.713.106	64.671.100.271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.062.224.295	9.107.421.776
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.383.980.132	11.267.590.597
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.039.979.430	11.141.292.646
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	90.153.997.955	57.496.907.910
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.839.817.969	2.408.096.605
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.001.141.345	2.605.926.935
11. Thu nhập khác	31	VI.7	121.229.142	28.000.000
12. Chi phí khác	32		-	26.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		121.229.142	2.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.122.370.487	2.607.926.935
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	4.832.734.863	407.444.638
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.289.635.624	2.200.482.297
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a,b	1.627	140
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a,b	1.627	140

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lậpNguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởngVõ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		770.518.199.482	584.437.204.778
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(593.611.145.518)	(522.713.562.823)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(75.665.601.418)	(76.181.601.490)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.4	(11.039.979.430)	(11.048.234.289)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.12	(1.755.413.751)	(200.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		23.341.946.013	47.331.252.322
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.481.438.494)	(37.082.627.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		96.306.566.884	(15.457.568.674)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.348.654.556)	(2.367.342.891)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.144.350.222	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	2.693.599.999
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.204.304.334)	326.257.108

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	18.066.837.982
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	581.134.375.000	491.737.495.600
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(653.692.910.000)	(504.134.495.600)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15, V.18a	(743.544.683)	(357.076.455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.302.079.683)	5.312.761.527
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.800.182.867	(9.818.550.039)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.610.628.185	22.303.845.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		451.925.698	851.108.480
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	36.862.736.750	13.336.404.346

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng

Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, ấp Phú Long, xã Lục Sĩ Thành, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ - Chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 04, cồn nổi số 2, ấp Phụng Tường 2, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 769 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 749 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-15
Tài sản cố định khác	04-08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	44.369.645	187.769.539
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.818.367.105	23.422.858.646
Cộng	<u>36.862.736.750</u>	<u>23.610.628.185</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	118.500.000.000	118.500.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	118.500.000.000	118.500.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000
Dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>118.500.000.000</u>	<u>118.500.000.000</u>	<u>118.500.000.000</u>	<u>118.500.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
NP - USA INC	317.684.599.382	267.803.863.591
Các khách hàng khác	73.604.807.623	49.973.952.349
Cộng	391.289.407.005	317.777.815.940

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cơ khí Môi trường Ngọc Thy	2.621.400.000	2.621.400.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại YTECH	11.776.146.206	4.828.750.000
Bà Trần Thị Soan	7.088.586.100	7.256.496.100
Ông Nguyễn An Hữu	4.877.019.520	5.235.611.520
Ông Nguyễn Thành Du	4.653.306.200	4.868.037.200
Ông Phan Thành Vinh	5.825.115.187	6.292.553.187
Các nhà cung cấp khác	5.181.458.133	8.138.989.035
Cộng	42.023.031.346	39.241.837.042

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ông Võ Hồng Phụng - đầu tư cá nhân	-	-	135.865.376	-
Tạm ứng	1.802.181.077	-	816.111.386	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.164.186.934	-	1.932.550.685	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	519.750.000	-	173.750.000	-
Cộng	6.486.118.011	-	3.058.277.447	-

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.977.840.327	-	4.543.628.776	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.409.466.012	-	49.591.918.110	-
Thành phẩm	90.251.967.355	-	163.838.150.737	-
Cộng	142.639.273.694	-	217.973.697.623	-

Một phần thành phẩm đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	633.620.775	1.062.896.997
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	246.604.102	1.258.752.461
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.444.627.585	2.147.086.107
Cộng	2.324.852.462	4.468.735.565

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.338.007.382	1.962.862.116
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	353.402.362	281.077.167
Cộng	1.691.409.744	2.243.939.283

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	108.768.969.691	120.294.154.273	12.294.524.189	3.728.538.125	245.086.186.278
Mua trong kỳ	621.848.350	950.660.000	-	-	1.572.508.350
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.062.724.945)	-	-	(19.062.724.945)
Số cuối kỳ	109.390.818.041	102.182.089.328	12.294.524.189	3.728.538.125	227.595.969.683
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	58.167.823.918	56.561.785.485	5.107.668.714	3.468.538.125	123.305.816.242
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	91.232.804.093	97.195.523.009	7.578.302.358	3.627.138.130	199.633.767.590
Khấu hao trong kỳ	2.141.188.007	2.561.457.618	352.186.408	15.600.000	5.070.432.033
Thanh lý, nhượng bán	-	(15.358.731.865)	-	-	(15.358.731.865)
Số cuối kỳ	93.373.992.100	84.398.248.762	7.930.488.766	3.642.738.130	189.345.467.758
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.536.165.598	23.098.631.264	4.716.221.831	101.399.995	45.452.418.688
Số cuối kỳ	16.016.825.941	17.783.840.566	4.364.035.423	85.799.995	38.250.501.925
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn có giá trị còn lại theo sổ sách là 11.240.702.929 VND (số đầu năm 17.741.224.588 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (xem thuyết minh số V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.921.802.260	67.569.995	24.989.372.255
Số cuối kỳ	24.921.802.260	67.569.995	24.989.372.255
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	67.569.995	67.569.995
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.641.124.740	67.569.995	8.708.694.735
Khấu hao trong kỳ	466.024.926	-	466.024.926
Số cuối kỳ	9.107.149.666	67.569.995	9.174.719.661
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.280.677.520	-	16.280.677.520
Số cuối kỳ	15.814.652.594	-	15.814.652.594
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 15.348.627.668 VND (số đầu năm 15.814.652.594 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.16).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH King Group	4.834.443.025	6.108.466.189
Bà Trần Thị Soap	7.396.333.200	2.053.962.800
Bà Nguyễn Mộng Cẩm	6.666.230.124	83.705.880
Bà Hoàng Thị Thanh Xuân	4.828.007.500	5.848.007.500
Các nhà cung cấp khác	46.934.933.298	32.298.537.246
Cộng	70.659.947.147	46.392.679.615

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Trần Thị Cẩm Huê	11.400.000.000	11.400.000.000
Ông Huỳnh Phước Duy	9.480.000.000	11.000.000.000
Bà Hoàng Thị Thanh Xuân	9.090.000.000	11.540.000.000
Bà Hoàng Tú Linh	9.720.000.000	12.000.000.000
Các khách hàng khác	7.167.913.015	7.148.237.489
Cộng	46.857.913.015	53.088.237.489

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.708.456.503	4.832.734.863	(1.755.413.751)	4.785.777.615
Thuế thu nhập cá nhân	561.840.178	368.958.621	(846.378.752)	84.420.047
Thuế tài nguyên	1.757.600	25.708.800	(21.666.400)	5.800.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	2.272.054.281	5.232.402.284	(2.628.458.903)	4.875.997.662

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, không kê khai tính và nộp thuế, 5%, 10%
Dịch vụ	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế với thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.122.370.487	2.607.926.935
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	87.517.728	88.517.728
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	32.209.888.215	2.696.444.663
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	32.209.888.215	2.696.444.663
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>6.441.977.643</i>	<i>539.288.933</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(1.609.242.780)</i>	<i>(131.844.295)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.832.734.863	407.444.638

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 5.000 VND/m³ với mức thuế suất 8%.

Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	1.938.275.280	-
Chi phí kiểm hàng	8.760.966.437	-
Chi phí cước tàu nước ngoài	2.438.390.362	3.611.881.306
Chi phí điện sản xuất phải trả	936.260.870	708.520.602
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.701.468.244	-
Cộng	15.775.361.193	4.320.401.908

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	450.746.134	385.880.668
Bảo hiểm xã hội	3.200.253.236	953.276.639
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.400.000.000	19.100.000.000
Phải trả tiền đặt cọc dự án nhà ở xã hội	4.119.746.470	4.516.946.616
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	27.395.605.820	3.689.584.003
Các khoản phải trả khác	6.959.206.409	639.506.130
Cộng	61.525.558.069	29.285.194.056

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long ⁽ⁱ⁾	235.064.000.000	311.208.500.000
Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	90.680.000.000	86.200.000.000
Cộng	325.744.000.000	397.408.500.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8 và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một phần thành phẩm và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.6 và V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	397.408.500.000	414.342.000.000
Số tiền vay phát sinh	581.134.375.000	491.737.495.600
Số tiền vay đã trả	(653.692.910.000)	(504.134.495.600)
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	894.035.000	5.062.065.000
Số cuối kỳ	325.744.000.000	407.007.065.000

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.049.813.610	6.459.916.071
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	935.907.539
Chi quỹ	-	(6.346.010.000)
Số cuối kỳ	1.049.813.610	1.049.813.610

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Võ Đông Đức	55.436.500.000	55.436.500.000
Các cổ đông khác	95.486.760.000	95.486.760.000
Cộng	150.923.260.000	150.923.260.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.092.326	15.092.326
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu phổ thông	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu phổ thông	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 69/NQ/ĐHĐCĐ.2025 ngày 28 tháng 6 năm 2025 như sau:

	Số được phân phối	Số đã phân phối trong năm trước	Số phân phối trong kỳ này
• Chia cổ tức	24.449.566.500	-	24.449.566.500
• Trích quỹ khen thưởng	935.907.539	(935.907.539)	-

Đồng thời, trong kỳ Công ty đã chi trả cổ tức các năm trước cho cổ đông với số tiền 743.544.683 VND (cùng kỳ năm trước là 357.076.455 VND).

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

19a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.389.383.381	1.389.383.381
Trên 01 năm đến 05 năm	5.706.848.592	5.706.848.592
Trên 05 năm	23.471.338.249	24.166.029.939
Cộng	30.567.570.222	31.262.261.912

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	852.962,59	617.357,81
Euro (EUR)	104,05	104,05

19c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Blue is Inc	7.699.465.152	7.699.465.152
Lotus Seafood	3.197.340.160	3.197.340.160
Công ty Cổ phần Việt An	3.439.194.082	3.439.194.082
AC Impot Inc	2.716.027.450	2.716.027.450
Sea International	25.545.903.161	25.545.903.161
Caseamex USA	6.664.539.399	6.664.539.399
Các khách hàng khác	7.929.783.584	7.929.783.584
Cộng	57.192.252.988	57.192.252.988

Các khoản công nợ trên được xóa sổ do đã quá hạn không thanh toán và không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	822.462.771.438	609.375.901.585
Doanh thu bán căn hộ dự án nhà ở xã hội Gia Phúc	2.265.963.809	6.485.588.961
Doanh thu cung cấp dịch vụ	247.785.929	381.724.594
Doanh thu khác	1.586.376.976	1.271.087.342
Cộng	826.562.898.152	617.514.302.482

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	698.853.187.265	544.619.904.088
Giá vốn bán căn hộ dự án nhà ở xã hội Gia Phúc	2.182.452.098	6.243.912.911
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	210.545.683	341.160.212
Cộng	701.246.185.046	551.204.977.211

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.231.636.249	2.693.599.999
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.418.712	3.967.120
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.952.802.046	4.594.906.564
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.874.367.288	1.814.948.093
Cộng	12.062.224.295	9.107.421.776

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.039.979.430	11.141.292.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	344.000.702	126.297.951
Cộng	11.383.980.132	11.267.590.597

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.698.213.764	5.591.506.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.785.242.275	18.410.657.586
Chi phí hoa hồng	3.333.115.950	1.483.313.633
Chi phí cước tàu CNF	38.582.332.593	30.630.740.316
Các chi phí khác	755.093.373	1.380.689.804
Cộng	90.153.997.955	57.496.907.910

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	306.000.000	306.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.679.241	129.399.050
Thuế, phí và lệ phí	139.881.969	42.946.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.642.992.847	1.438.623.884
Các chi phí khác	504.263.912	491.127.564
Cộng	3.839.817.969	2.408.096.605

7. Thu nhập khác

Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.289.635.624	2.200.482.297
Trích quỹ khen thưởng (*)	(2.728.963.562)	(220.048.230)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	24.560.672.062	1.980.434.067
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.092.326	14.159.058
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu trên cổ phiếu	1.627	140

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.092.326	13.734.017
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ phát hành	-	425.041
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.092.326	14.159.058

(*) Quỹ khen thưởng được tạm trích tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế kỳ này theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 69/NQ/ĐHĐCĐ.2025 ngày 28 tháng 6 năm 2025.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	504.708.118.227	771.188.330.215
Chi phí nhân công	85.481.768.904	69.177.525.841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.536.456.959	5.647.988.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.995.872.788	49.963.429.261
Chi phí khác	6.749.148.612	36.409.264.523
Cộng	719.471.365.490	932.386.538.093

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về mua cá tra nguyên liệu với thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 11.962.456.600 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Chí Thảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	240.000.000	240.000.000
Ông Võ Đông Đức - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	276.000.000	276.000.000
Bà Võ Thị Thúy Nga - Thành viên Hội đồng quản trị	213.392.000	215.943.000
Ông Lê Thành Được - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	186.000.000	186.000.000
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị	175.376.000	164.702.000
Ông Lê Văn Phăng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
Ông Lê Tam Bình - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
Ông Đan Duy Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
Ông Hoàng Tuấn Kiệt - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
Ông Nguyễn Trí Tùng - Phó Tổng Giám đốc	150.000.000	150.000.000
Ông Phan Hoàng Duy - Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	180.020.000
Ông Lâm Văn Minh - Phó Tổng Giám đốc	132.000.000	-
Ông Lý Quốc Tuấn - Trưởng Ban kiểm soát	149.600.000	150.417.000
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh - Thành viên Ban kiểm soát	151.250.000	147.783.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân - Thành viên Ban kiểm soát	107.641.000	103.155.000
Cộng	1.961.259.000	1.814.020.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến cá tra fillet đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	179.234.330.194	241.937.961.889
Nước ngoài	647.328.567.958	373.938.115.593
Cộng	826.562.898.152	615.876.077.482

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Vào ngày 15 tháng 7 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 78/NQ.HĐQT.2025 về việc thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu đã phát hành là 30.182.930.000 VND, Công ty đã gửi Công văn số 97/CV.2025 ngày 05 tháng 8 năm 2025 về Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Tính đến hiện tại, Công ty đang chờ ý kiến chấp thuận về Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước để làm các thủ tục tăng vốn theo quy định.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2025


Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập


Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng


Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

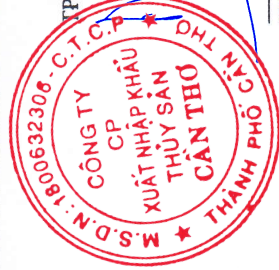
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	11.310.673.465	39.623.878.416	251.647.295.742
Phát hành cổ phiếu quỹ trong kỳ trước	-	8.558.674.982	9.508.163.000	-	-	-	18.066.837.982
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	2.200.482.297	2.200.482.297
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(12.073.860.800)	(12.073.860.800)
Số dư cuối kỳ trước	150.923.260.000	65.348.226.982	-	2.508.094.861	11.310.673.465	29.750.499.913	259.840.755.221
Số dư đầu năm nay	150.923.260.000	65.348.226.982	-	2.508.094.861	11.833.554.499	25.057.942.864	255.671.079.206
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	27.289.635.624	27.289.635.624
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	-	(24.449.566.500)	(24.449.566.500)
Số dư cuối kỳ này	150.923.260.000	65.348.226.982	-	2.508.094.861	11.833.554.499	27.898.011.988	258.511.148.330

Đơn vị tính: VND

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2025



Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

